CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Tập Đoàn Sao Mai

Ngày 31/12/2024	8,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.7%	**-5.5%**	**-**

DT thuần
Q4/24
2,866
tỷ VNĐ
QoQ: ▼353| -11.0%
YoY: ▲ 77.0| 2.8%

LN thuần
Q4/24
34.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼61.1| -63.9%
YoY: ▲ 6.00| 21.2%

LN sau thuế
Q4/24
0.52
tỷ VNĐ
QoQ: ▼70.7| -99.3%
YoY: ▼16.0| -96.9%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
8.2%
YoY: +/-▼ 0.7%

ROE
2024
2.3%
YoY: +/-▼ 0.2%

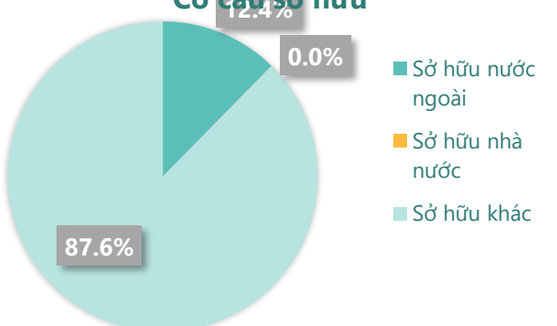
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,500 - 12,136
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,184
Số lượng CPLH (CP)	370,178,250
KLGD BQ 20 phiên (CP)	508,740
Sở hữu nước ngoài	12.4%
Beta	1.28
EPS	494
P/E	17.4

DT thuần
2024
12,013
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 40.0| 0.3%

LN thuần
2024
337
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.0| 5.7%

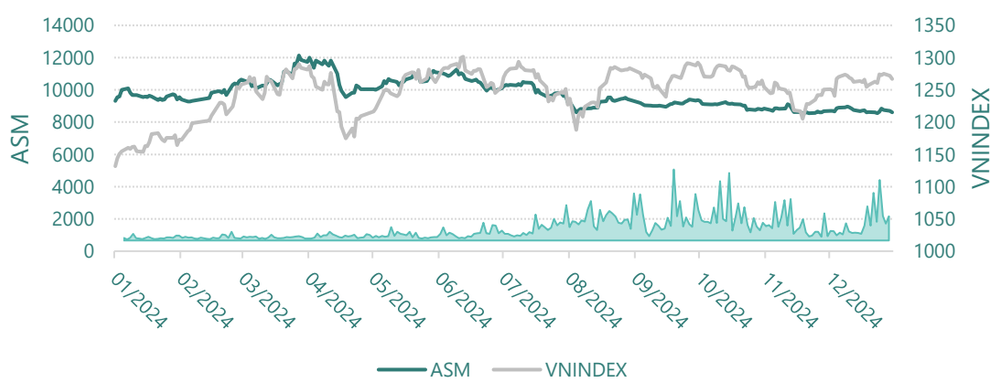
LN sau thuế
2024
253
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.00| 0.6%

Cơ cấu sở hữu

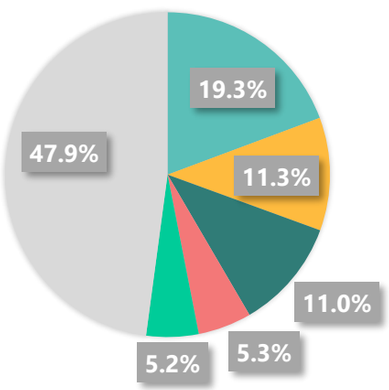


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



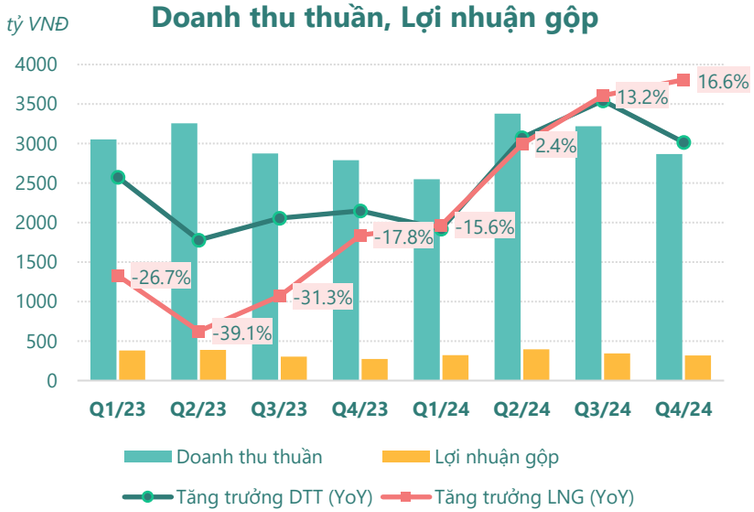
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

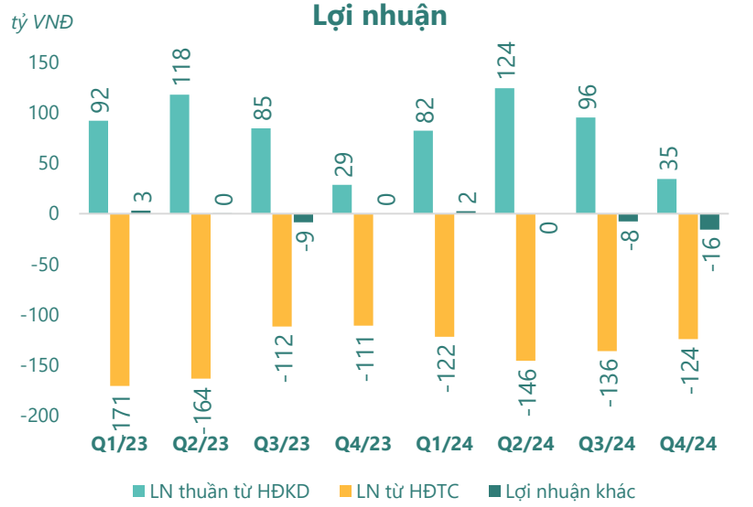
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



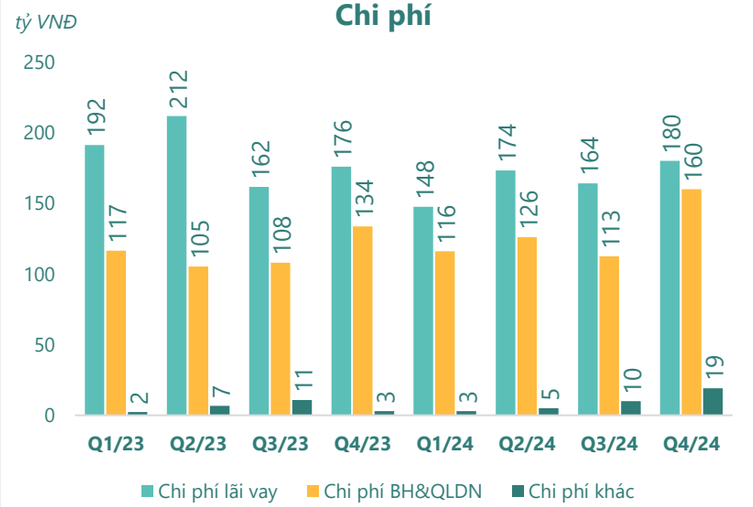
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



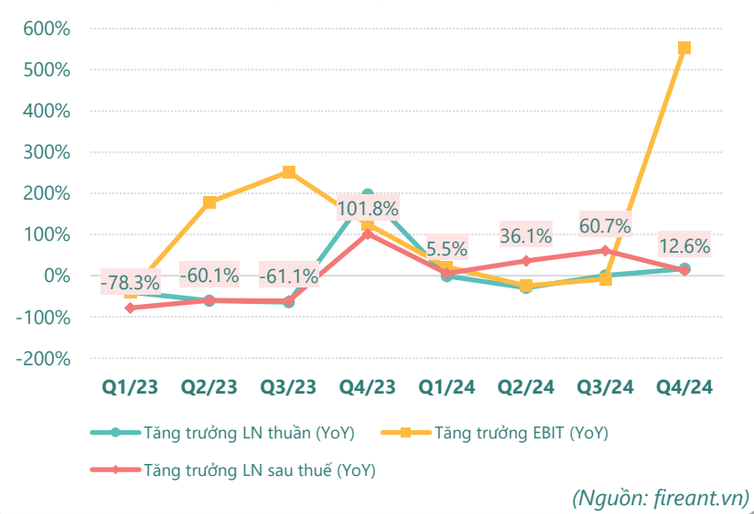
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



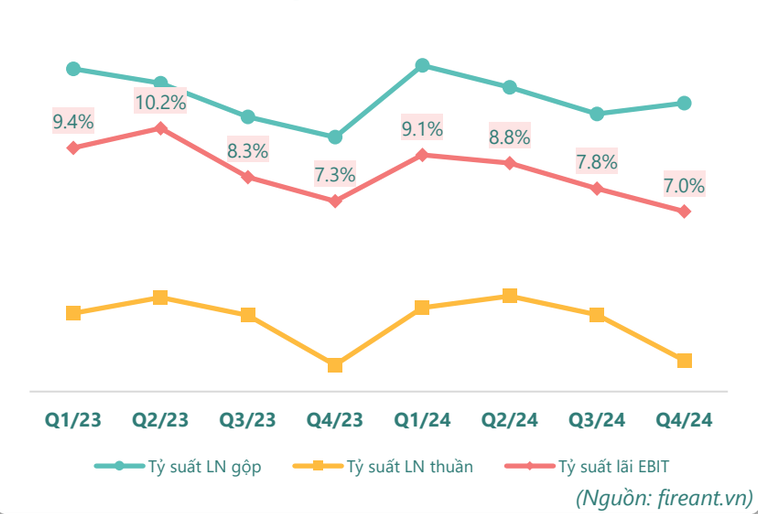
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



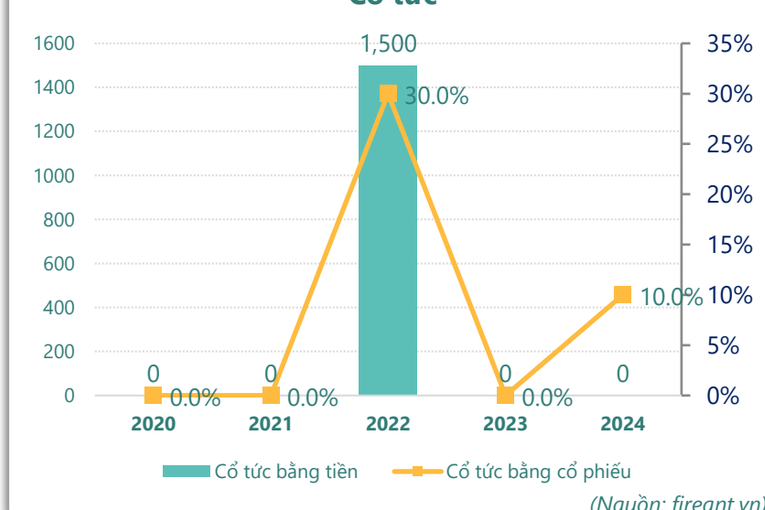
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

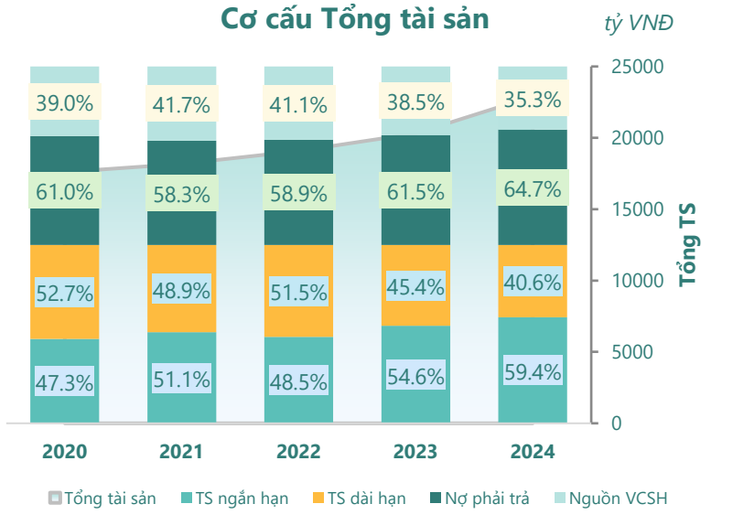
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

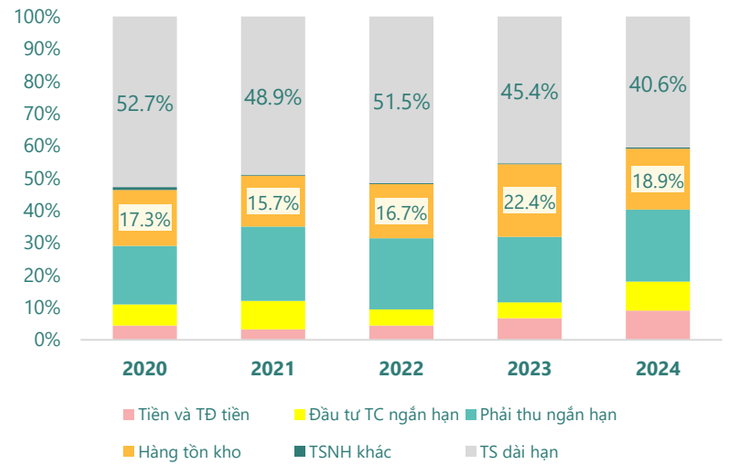
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



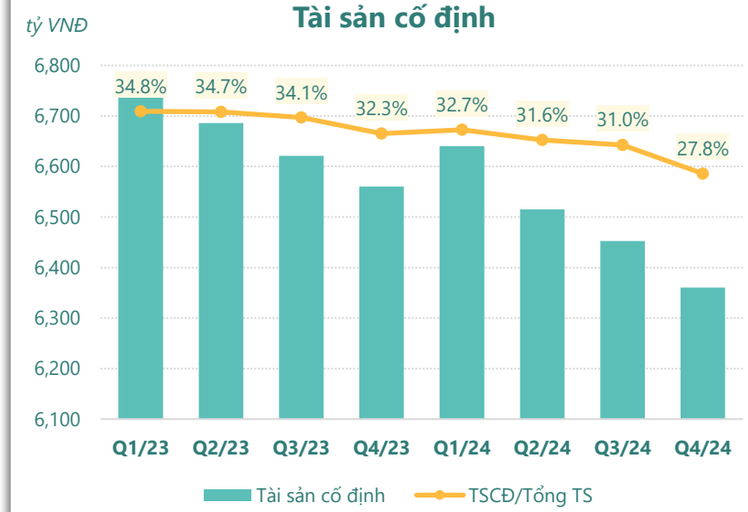
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



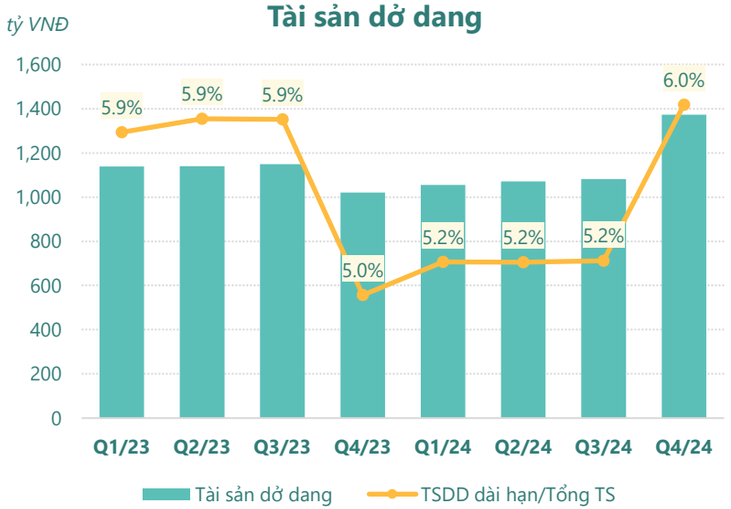
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



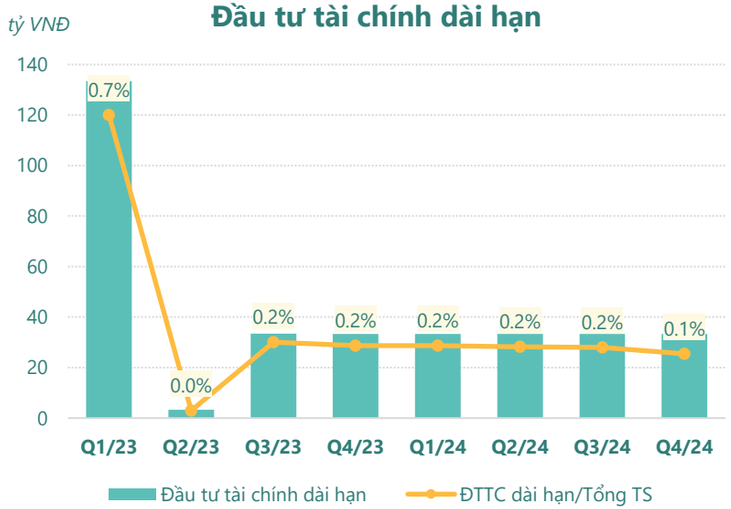
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



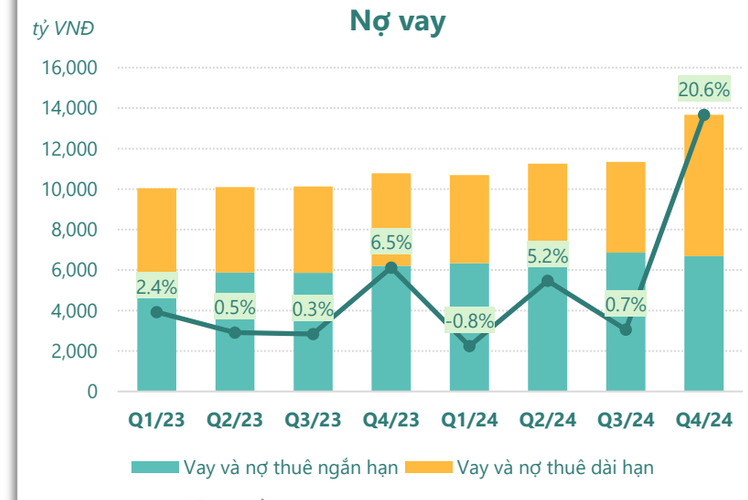
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

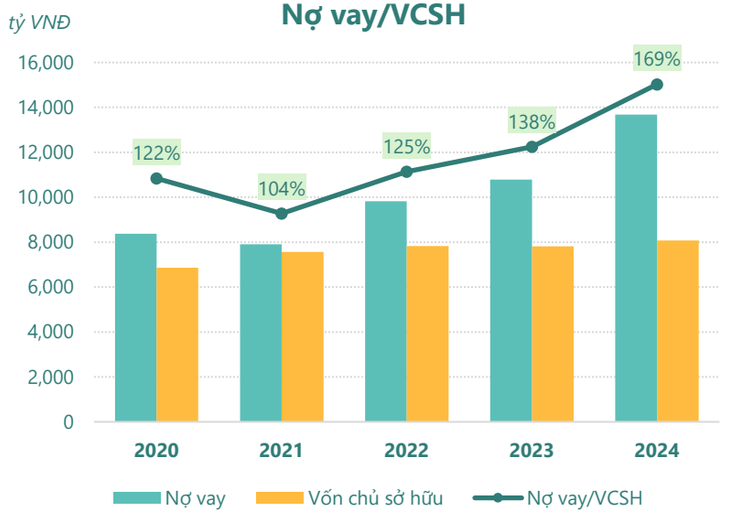
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

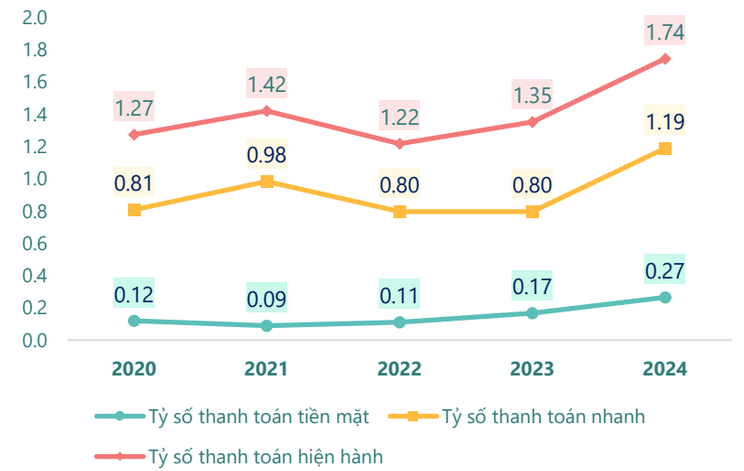
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



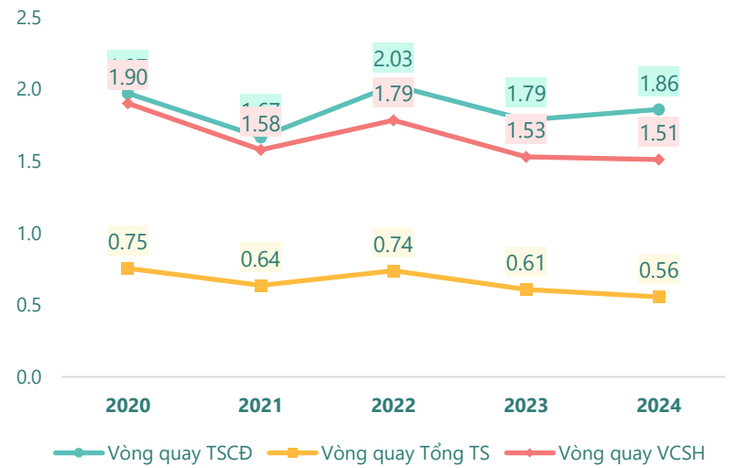
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



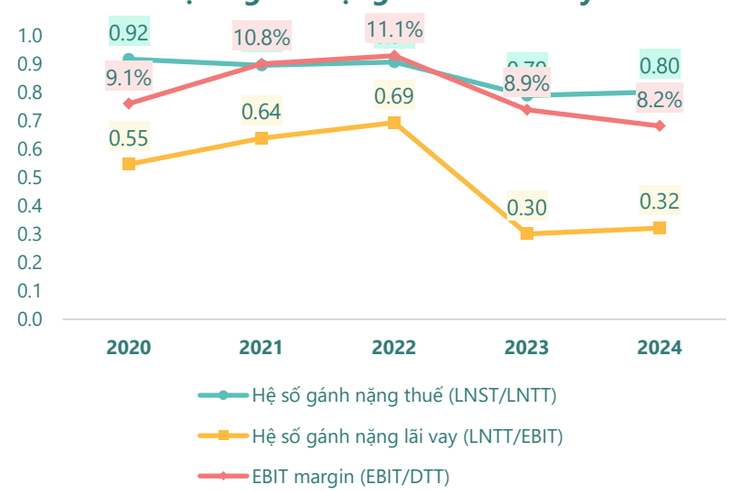
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



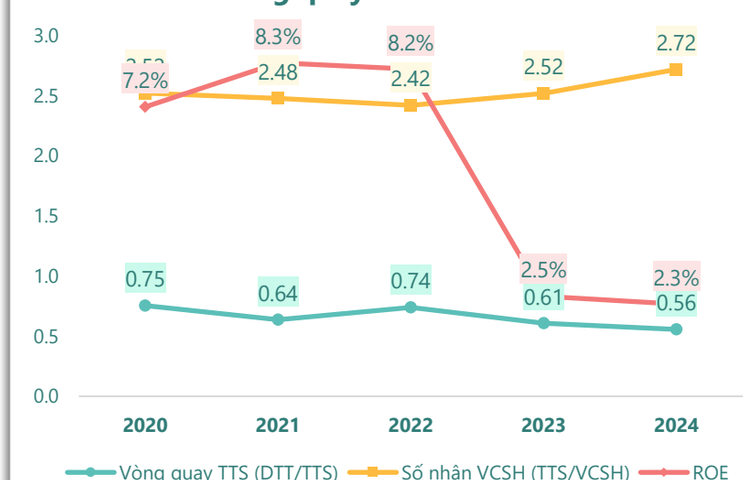
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



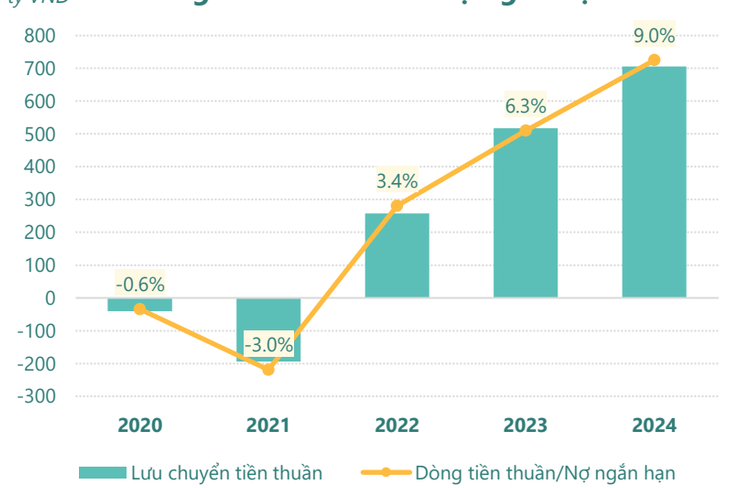
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,866**	**2,789**	**2.8%**	**12,013**	**11,973**	**0.3%**
Giá vốn hàng bán	2,547	2,515	1.3%	10,632	10,632	0.0%
Lợi nhuận gộp	319	274	16.5%	1,381	1,341	3.0%
Doanh thu HĐTC	80.8	91.9	-12.1%	198	234	-15.2%
Chi phí TC	205	203	1.0%	727	791	-8.2%
Chi phí lãi vay	180	176	2.5%	666	742	-10.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	63.5	47.0	35.1%	219	165	32.8%
Chi phí QLDN	**96.8**	**86.9**	**11.3%**	**297**	**300**	**-1.0%**
LN thuần từ HĐKD	34.5	28.5	21.2%	337	319	5.7%
Lợi nhuận khác	**-15.7**	**0.11**	**-14338%**	**-20.9**	**0.29**	**-7342%**
LN trước thuế	18.9	28.7	-34.2%	316	319	-1.0%
Lợi nhuận sau thuế	**0.52**	**16.5**	**-96.9%**	**253**	**252**	**0.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-13.4**	**15.6**	**-186%**	**183**	**195**	**-6.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	128	-311	-523	-288	-129	-30.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	377	245	-106	-187	-27.3	-849
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	29.2	565	-78.7	541	93.2	2,290
Tiền đầu kỳ	325	859	1,365	657	724	660
Lưu chuyển tiền thuần	**534**	**499**	**-708**	**66.1**	**-63.2**	**1,410**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.28	6.36	0.00	0.01	0.02	-0.44
Tiền cuối kỳ	859	1,365	657	724	660	2,070

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**22,905**	**20,307**	**12.8%**
Tài sản ngắn hạn	13,612	11,090	22.7%
Tiền và tương đương tiền	2,070	1,365	51.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,065	982	110%
Phải thu ngắn hạn	5,081	4,132	23.0%
Hàng tồn kho	4,332	4,556	-4.9%
Tài sản ngắn hạn khác	63.2	54.5	16.0%
Tài sản dài hạn	**9,292**	**9,217**	**0.8%**
Phải thu dài hạn	32.9	35.4	-7.0%
Tài sản cố định	6,361	6,561	-3.0%
Bất động sản đầu tư	509	498	2.1%
Tài sản dở dang	1,373	1,021	34.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	33.3	33.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**645**	**663**	**-2.7%**
Lợi thế thương mại	339	407	-16.7%
Nợ phải trả	14,815	12,481	18.7%
Nợ ngắn hạn	**7,804**	**8,204**	**-4.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,686	6,523	2.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	514	521	-1.4%
Nợ dài hạn	7,011	4,277	63.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	6,990	4,259	64.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**8,090**	**7,826**	**3.4%**
Vốn chủ sở hữu	**8,080**	**7,816**	**3.4%**
Vốn điều lệ	3,702	3,365	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	**10.3**	**10.3**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)